

Chương 7: Năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập

Sáng
19/4/2012

1. Khái niệm và các cấp độ cạnh tranh

NLCTQG là năng lực của một nền kinh tế đạt được tăng trưởng bền vững, thu hút được đầu tư, bảo đảm ổn định kinh tế, xã hội, nâng cao đời sống người dân.

Diễn đàn KTTG: WEF, Tổ chức hợp tác & PTKT: OECD, Viện PTQL: IMD ở Lausanne, Thụy Sĩ v.v... tiến hành điều tra, so sánh và xếp hạng NLCTQG của các nền KT trên TG.

Các cấp độ cạnh tranh

1

Năng lực cạnh tranh quốc gia là một khái niệm phức hợp, bao gồm các yếu tố ở tầm vĩ mô, đồng thời cũng bao gồm năng lực cạnh tranh của các DN

2

Năng lực cạnh tranh của DN được đo bằng khả năng duy trì và mở rộng thị phần, thu lợi nhuận của DN trong môi trường cạnh tranh trong nước và n.n

3

Năng lực cạnh tranh của sản phẩm dịch vụ (NLCTSP hay NLCTDV)

Năng lực cạnh tranh quốc gia

1

Bao gồm 8 nhóm yếu tố:

-Độ mở hay mức độ hội nhập của nền KT
-Sự phát triển của thể chế KTTT với hệ thống Tài chính, tiền tệ, ngân hàng là TT

2

3. Công nghệ, 4. Kết cấu hạ tầng.5. Lao động.6.Quản lý doanh nghiệp.7.Chính phủ. 8. Thể chế

Năng lực cạnh tranh Doanh nghiệp Được xác định trên cơ sở 4 nhóm YT

**Nhóm yếu tố thứ nhất liên quan :
Nguồn nhân lực, nguồn vốn, kết
Cấu hạ tầng kỹ thuật, hoạt động
Của bộ máy HC, Hạ tầng TT, KH-
CN, Tài nguyên TN**

**Nhóm yếu tố thứ hai liên quan
Liên quan đến CN & DV trợ giúp
Cho DN; Nhóm yếu tố thứ ba liên
Quan đến nhu cầu SP & DV; Nhóm
Yếu tố thứ tư liên quan đến cạnh tranh
Của DN.**

Năng lực cạnh tranh của sản phẩm & DV



2. Một số đánh giá về năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam

1

Lợi thế cạnh tranh hàng đầu có ý nghĩa ch.lược là sự ổn định CT-XH, an ninh & trật tự trong đs được đảm bảo, vị trí địa lý thuận lợi cũng như một số TNTN

2

Việt Nam là một nước có lịch sử lâu đời; Trải qua 2 cuộc KC được TG quan tâm; Lợi thế trong du lịch

3

Con người Việt Nam được coi là thông minh, Cần cù, khéo tay

Một số điểm lưu ý

1. Độ mở của nền kinh tế; 2. Thể chế nhà nước; 3. Hệ Thống tài chính tiền tệ; 4. Lao động; 5. Khoa học & Công nghệ; 6. Kết cấu hạ tầng; 7. Năng lực quản lý doanh Nghiệp & môi trường quản lý vi mô; 8. Vai trò của CP.

Năng lực cạnh tranh của Doanh nghiệp

- Một số DN chịu áp lực cạnh tranh đã có bước PT nhanh.
- Một số DN chậm đổi mới, chưa được quản lý có nề nếp.

Năng lực cạnh tranh của sản phẩm và dịch vụ: ba nhóm

1. Nhóm có năng lực cạnh tranh
2. Nhóm có năng lực cạnh tranh có điều kiện
3. Nhóm chưa có năng lực cạnh tranh

2. Một số đánh giá về năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam

❖ 2.1. Đánh giá của WEF

- ❖ Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF)-một tổ chức phi chính phủ phối hợp với Đại học Harvard chuyên nghiên cứu & xếp hạng NLCT của các QG toàn cầu, đã công bố bảng xếp hạng hàng năm từ năm 1979. Việt Nam được WEF đưa vào đánh giá xếp hạng NLCT từ năm 1998.

2.1. Đánh giá của WEF

❖ Trích bảng 6.1: Thứ hạng cạnh tranh quốc tế của Việt Nam trong ngắn hạn & dài hạn

❖ 1. Năm 1998	CCI	GCI	BCI
❖ trong 53 nước	43/53	39/53	
❖ 2. Năm 1999			
❖ Trong 58 nước	50/58	48/58	
❖ 3. Năm 2000			
❖ trong 58 nước	53/58	52/58	
❖ 4. Năm 2003			
❖ Trong 102 nước	62/102	60/102	50/102
❖ 5. Năm 2004			
❖ Trong 104 nước	79/104	77/ 104	79/104

2.2.Đánh giá của WB & IFC về môi trường hoạt động kinh doanh

- ❖ Lợi thế & rào cản lớn nhất của Việt Nam:**
- ❖ Xét tổng thể, Việt Nam xếp thứ 99 thế giới/155 nền kinh tế.**
- ❖ Việt Nam có vị trí cao nhất là Giải quyết các vấn đề giấy phép (xếp thứ 18).**
- ❖ Lĩnh vực có vị trí thấp nhất (xếp thứ 143) là Bảo vệ các nhà đầu tư. Đây được xem là một trong những trở ngại lớn nhất của Việt Nam trong việc cạnh tranh quốc tế để thu hút FDI.**

Hộp đánh giá NLCT theo các nhân tố tác động đến FDI

❖ Đặc tính Cụ thể	Việt Nam	Trung Quốc	Thái Lan	Malai -xia	Phi -lippin
- C.số t.cập FDI	2	4	3	3	2
- T.trg k.tế TN	3	4	2	2	
- Chât.lg. CSHT	1	2	4	4	2
- HTP.luật(P.triển n. quán & o.ồn.đ)	2	2	4	4	3
- Ổn định CT& XH	4	3	3	3	2
- Nhận biết Tham.n	1	1	2	2	2

Ghi chú: 4 = khả năng cạnh tranh cao nhất. 1 = khả năng cạnh tranh kém nhất.

2.3. Đánh giá NLCT các tỉnh, TP TT TW của Phòng TM & CN VN (VCCI)

- ❖ Công bố chỉ số PCI của 42 tỉnh, TP vào giữa năm 2005.
- ❖ - Với điểm số 76,82/90: Bình Dương dẫn đầu về việc tạo lập môi trường KD cho DN, kế đến là Đà Nẵng, Vĩnh Long, Bến Tre, Vĩnh Phúc, Đồng Nai, Quảng Ninh.
- ❖ * Điều kiện khách quan: Lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực...tác động đến sự hấp dẫn của môi trường đầu tư.
- ❖ * Các yếu tố chủ quan: Chất lượng, trình độ của cán bộ và cơ chế quản lý có vai trò rất quan trọng, nhiều phân tích đánh giá đã coi chất lượng điều hành của bộ máy quản lý là một nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự c.b

2.3. Đánh giá NLCT các tỉnh, TP TT TW của Phòng TM & CN VN (VCCI)

- ❖ Báo cáo PCI 2010 được thực hiện dựa trên kết quả điều tra cảm nhận của 7.300 DN dân doanh
- ❖ Chỉ số PCI gồm 9 chỉ số thành phần phản ánh các lĩnh vực điều hành kinh tế tác động lớn đến sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân. Một tỉnh được đánh giá là thực hiện tốt tất cả 9 chỉ số thành phần trong PCI cần đạt được: 1) Chi phí gia nhập thị trường thấp; 2) Doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận đất đai và có mặt bằng kinh doanh ổn định.

2.3. Đánh giá NLCT các tỉnh, TP TT TW của Phòng TM & CN VN (VCCI)

- ❖ Báo cáo PCI 2010 được thực hiện dựa trên kết quả điều tra cảm nhận của 7.300 DN dân doanh
- ❖ 3) Môi trường kinh doanh công khai, minh bạch, DN dễ dàng và thuận lợi tiếp cận các thông tin phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình; 4) Chi phí không chính thức thấp ở mức tối thiểu; 5) Chi phí thời gian mà DN bỏ ra để thực hiện thủ tục hành chính và thanh kiểm tra của Nhà nước thấp nhất; 6) Lãnh đạo tỉnh năng động & tiên phong trong giải quyết các vấn đề của DN.

2.3. Đánh giá NLCT các tỉnh, TP TT TW của Phòng TM & CN VN (VCCI)

- ❖ 7) Các dịch vụ hỗ trợ DN phát triển và có chất lượng; 8) Chính sách đào tạo lao động của tỉnh tốt; và 9) Hệ thống tòa án và cơ quan giải quyết khiếu nại hành chính của tỉnh công bằng và hiệu quả, giúp DN giải quyết tranh chấp của mình.
- ❖ Để có được 7.300DN dân doanh phản hồi, VCCI đã tiến hành gửi phiếu điều tra đến 29.939DN dân doanh đang hoạt động trên toàn bộ 63 tỉnh, TP ở Việt Nam. Tỷ lệ phản hồi bình quân cả nước là 24,38%.

2.3. Đánh giá NLCT các tỉnh, TP TT TW của Phòng TM & CN VN (VCCI)

- ❖ Kết quả xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI năm 2010:
- ❖ Nhóm rất tốt gồm có:
 - 1.Đà Nẵng: 69,77
 - 2.Lào Cai:69,75
 - 3.Đồng Tháp: 67,22
- * Nhóm tốt gồm có:
 4. Trà Vinh:65,80
 - 5.Bình Dương:65,72
 6. Bắc Ninh:64,48

2.3. Đánh giá NLCT các tỉnh, TPTT TW của Phòng TM & CN VN (VCCI)

- ❖ Kết quả xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI năm 2010:
- ❖ 7. Quảng Ninh: 64,41
- ❖ 8. Hậu Giang: 63,39
- ❖ 9. Vĩnh Long: 63,40
- ❖ 10. Bến Tre: 63,11

.v.v...

Nhóm khá đứng đầu là TP. Hồ Chí Minh: 59.67 và cuối cùng của nhóm khá là Cao Bằng, tỉnh thứ 52 là 53,55.

2.3. Đánh giá NLCT các tỉnh, TPTT TW của Phòng TM & CN VN (VCCI

- ❖ Nhóm trung bình gồm có:
 - ❖ 53. Phú Thọ:52,47
 - ❖ 54.Nghệ An:52,38
 - ❖ 55.Quảng Ngãi:52,21
 - ❖ 56.Hà Nam 52,18
 - ❖ 57.Lai Châu:51,77
 - ❖ 58. Bắc Kạn: 51,49
- ❖ Nhóm tương đối thấp gồm có:
 - ❖ 59. Lạng Sơn:50,20 60. Hòa Bình: 49,89
 - ❖ 61.Hưng Yên:49,77;62.Sơn La:49,26
 - ❖ 63.Đak Nông:48,91

3. Một số biện pháp chủ yếu để nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế nước ta

- ❖ 1. Thường xuyên hoàn thiện cơ chế thị trường, tạo lập môi trường đầu tư hấp dẫn, đặc biệt đối với đầu tư nước ngoài.
- ❖ 2. Hỗ trợ cải tiến chiến lược cạnh tranh của doanh nghiệp.
- ❖ 3. Phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ
- ❖ 4. Nâng cao hiệu quả cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu và gắn kết cơ cấu xuất nhập khẩu với cơ cấu sản xuất, cung ứng “đầu vào” hiệu quả hơn cho các doanh nghiệp.
- ❖ 5. Xây dựng các Tổng công ty xuyên quốc gia lớn, các tập đoàn kinh doanh mạnh.

4. Những nhân tố quan trọng để tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia

- ❖ 1. Độ mở của nền kinh tế.
- ❖ 2. Thể chế Nhà nước
- ❖ 3. Hệ thống tài chính, tiền tệ
- ❖ 4. Lao động
- ❖ 5. Khoa học và công nghệ
- ❖ 6. Kết cấu hạ tầng: tuy đã được đầu tư và có cải thiện đáng kể trong những năm gần đây. Hệ thống kết cấu hạ tầng của nước ta bao gồm điện, cấp nước sạch & tiêu nước thải, đường, cầu, bến cảng, đường sông, đường biển, đường hàng không, kho tàng, trong đó có kho chuyên dụng như kho lạnh, viễn thông, Internet, bốc xếp, vận tải... còn nhiều mặt lạc hậu so với khu vực.

4. Những nhân tố quan trọng để tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia

- ❖ 7. Năng lực quản lý của doanh nghiệp và môi trường quản lý vi mô
- ❖ 8. Vai trò của Chính phủ.
- ❖ Vai trò của Chính phủ đối với doanh nghiệp đã được cải thiện đáng kể trong những năm gần đây thông qua các cuộc đối thoại của Thủ tướng với doanh nghiệp, các nỗ lực cải cách và hiện đại hóa hệ thống hành chính các cấp. Tuy vậy, sự can thiệp vào hoạt động kinh doanh còn quá nhiều, làm biến dạng các điều kiện kinh doanh trong thực tế...

Kết luận

- ❖ Khả năng nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam thông qua cải cách, nâng cao năng lực quản lý, cải thiện kết cấu hạ tầng.v.v... là rất lớn & hiện thực. Chính phủ đã có chỉ thị 08/2003/CT về Chương trình hành động của Chính phủ nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và của các doanh nghiệp.
- ❖ Việc tổ chức thực hiện tốt Chương trình hành động này chắc chắn sẽ góp phần nâng cao NLCTQG của nước ta